

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : BYK-MAX HS 4317

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Additive for plastics

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : BYK USA LLC

Địa chỉ : South Cherry Street 524
06492 Wallingford

Điện thoại : +1 203-265-2086

Telefax :

Địa chỉ e-mail : BRIEF.BYK.NAFTA@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)
+65 3158 1074 (All languages)**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 4

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 2

Tổn thương mắt nghiêm
trọng/kích ứng mắt : Cấp 1

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Độc tính đến cơ quan cụ thể
sau phơi nhiễm lặp lại : Cấp 1 (Hệ thần kinh trung ương)Độc tính đến cơ quan cụ thể
sau phơi nhiễm lặp lại
(Đường miệng) : Cấp 1 (Tuyến giáp)Nguy hại cấp tính đối với môi
trường thủy sinh : Cấp 1Nguy hại mãn tính đối với môi
trường thủy sinh : Cấp 3**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H302 Có hại nếu nuốt phải.

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H372 Gây tổn thương cho các cơ quan (Hệ thần kinh trung ương) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
H372 Gây tổn thương cho các cơ quan (Tuyến giáp) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại nếu nuốt phải.
H400 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa:

P260 Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P312 + P330 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi tới TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sỹ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.
P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
P305 + P351 + P338 + P310 NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.
P314 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Không có thông tin.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất
Bản chất hóa học : Additive concentrate

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Triphenylphosphine	603-35-0	>= 25 - < 30
Potassium bromide (KBr)	7758-02-3	>= 20 - < 25

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

octadecanamide, n,n'-1,2-ethanediylbis-	110-30-5	$\geq 12,5$ - < 20
Aluminium Distearate	-	$\geq 12,5$ - < 20
Copper iodide (CuI)	7681-65-4	≥ 10 - $< 12,5$
Calcium distearate	-	≥ 1 - < 3

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Tham vấn bác sĩ.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sĩ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài.
Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.
Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Một lượng nhỏ bắn vào mắt cũng có thể gây mù hoặc tổn thương mô không thể phục hồi.
Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước và hỏi ý kiến bác sĩ.
Tiếp tục rửa mắt trên đường đến bệnh viện.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Mở rộng mắt khi rửa.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.
KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Không có thông tin.
- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Không có thông tin.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bột
Carbon diôxit (CO₂)
Hóa chất khô
- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.
Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

cho lính cứu hỏa

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Tránh tạo ra bụi.
Tránh hít bụi.
- Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Tránh tạo ra bụi. Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tạo ra các bụi hô hấp.
Không được hít hơi/bụi.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.
Những người dễ bị mắc bệnh về da, hen suyễn, dị ứng hoặc các bệnh mãn tính về đường hô hấp không được làm việc trong bất kỳ quá trình nào có sử dụng chất pha chế này.
- Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
Các bình chứa đã mở phải được đóng gán lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ.
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
octadecanamide, n,n'-1,2-ethanediylbis-	110-30-5	TWA	10 mg/m3	VN OEL
		TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	10 mg/m3	ACGIH
		TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	3 mg/m3	ACGIH

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

Aluminium Distearate	-	TWA	2 mg/m3 (Nhôm)	VN OEL
		TWA	10 mg/m3	VN OEL
		TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	1 mg/m3 (Nhôm)	ACGIH
		TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	10 mg/m3	ACGIH
		TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	3 mg/m3	ACGIH
Copper iodide (Cul)	7681-65-4	TWA (Bụi)	0,5 mg/m3 (Đồng)	VN OEL
		TWA (Khói)	0,1 mg/m3 (Đồng)	VN OEL
		TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	0,01 mg/m3 (lốt)	ACGIH
Calcium distearate	-	TWA	10 mg/m3	VN OEL

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay

Vật liệu : Cao su nitrile
Thời gian thấm : > 480 min

Ghi chú

Bảo vệ mắt : Mang găng tay thích hợp.

: Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết

: Kính bảo hộ vừa khít

: Đeo mạng che mặt và bộ quần áo bảo hộ phù hợp khi có các

: vấn đề bất thường.

Bảo vệ da và cơ thể : Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy

: hiểm tại nơi làm việc.

: Bộ quần áo bảo hộ không thấm bụi

Các biện pháp vệ sinh : Không được ăn hoặc uống khi sử dụng.

: Không hút thuốc khi sử dụng.

: Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái

: viên nhỏ

Màu sắc

: off-white - light grey

Mùi đặc trưng

: đặc tính

Độ pH

: không tan

Điểm/khoảng nóng chảy/đông

đặc : chưa có dữ liệu

Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu

: chưa có dữ liệu

Điểm cháy

: Khoảng 276 °C

Phương pháp: derived

Khả năng bắt cháy (chất rắn, : Có thể tạo thành bụi dễ cháy trong không khí.

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

khí)	Chất rắn dễ cháy
Giới hạn trên của cháy nổ	: Giới hạn trên của cháy nổ chưa được xác định
Giới hạn dưới của cháy nổ	: Giới hạn dưới của cháy nổ chưa được xác định
Khối lượng riêng	: 3 g/cm ³ (20 °C, 1.013 hPa)
Mật độ lớn	: 0,67 g/cm ³ (20 °C) Phương pháp: 34 (bulk density)
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: không tan
Nhiệt độ tự cháy	: Không dễ cháy.
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: Không áp dụng được
Độ nhớt, động học	: Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. Bụi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ trong không khí.
Các điều kiện cần tránh	: chưa có dữ liệu
Vật liệu không tương thích	: Các chất oxy hóa mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính****Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp: 1.334 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:**octadecanamide, n,n'-1,2-ethanediylbis-:**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 5.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401
GLP: có

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 6,3 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
GLP: có

Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ, Đực và cái): > 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
GLP: có

Ăn mòn/kích ứng da**Sản phẩm:**

Ghi chú: Ăn mòn và phá hủy nghiêm trọng mô

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Ghi chú: Có thể gây tổn thương mắt không thể phục hồi

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Kích thích hô hấp hoặc da**Sản phẩm:**

Ghi chú: Gây mẫn cảm.

Thành phần:**octadecanamide, n,n'-1,2-ethanediylbis-:**

Loại kiểm nghiệm: Mouse Local Lymph Node assay (LLNA)

Loài: Chuột nhắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429

Kết quả: Không gây kích ứng da.

GLP: có

Lượng độc lặp lại**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thông tin khác**Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Sản phẩm:**

Độc đối với cá : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác :
và các động vật không : Ghi chú: chưa có dữ liệu
xương sống thủy sinh khác

Thành phần:**octadecanamide, n,n'-1,2-ethanediylbis-:**

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l
và các động vật không nominal
xương sống thủy sinh khác Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
GLP: có

Độc tính đối các loài giáp xác : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l nominal
và các động vật không Thời gian phơi nhiễm: 21 d
xương sống thủy sinh khác Loại kiểm nghiệm: semi-static test
(Tính độc mãn tính) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211
GLP: có

Copper iodide (CuI):

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 10
đối với môi trường thủy sinh)
Nhân tố M (Nguy hại mãn : 1
tính đối với môi trường thủy
sinh)

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Thành phần:**octadecanamide, n,n'-1,2-ethanediylbis-:**

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B
GLP: có

Khả năng tích lũy sinh học**Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Việc quản lý hoặc tiêu huỷ không chuyên nghiệp có thể gây ra các hậu quả về môi trường
Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất.
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S.
(copper iodide)

Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : 9

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp : Environmentally hazardous substance, solid, n.o.s.
(copper iodide)

Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : Miscellaneous Dangerous Goods
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 956
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : 956

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S.

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26

	(copper iodide) Chất ô nhiễm đại dương (copper iodide)
Hạng	: 9
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: 9
Mã EmS	: F-A, S-F
Chất ô nhiễm đại dương	: có
Ghi chú	: IMDG Code segregation group - none

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.

BYK-MAX HS 4317

Mã sản phẩm: 000000000000129145

Phiên bản 3.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2026/05/12

Ngày in 2026/05/26
